

KHẢO SÁT THỰC TRẠNG NGUỒN NHÂN LỰC ĐIỀU DƯỠNG, HỘ SINH, KỸ THUẬT VIÊN TẠI BỆNH VIỆN QUÂN Y 87, NĂM 2020

CNĐD. LÊ BÁ VĨNH, CNĐD. CAO THỊ XUÂN THANH
CNĐD. NGUYỄN THỊ LINH - *Bệnh viện Quân y 87*
Phản biện khoa học: (1) TS. NGUYỄN LAN ANH
(2) TS. NGUYỄN VĂN GIANG

TÓM TẮT: Nghiên cứu mô tả cắt ngang thực trạng nguồn nhân lực điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật viên trong toàn Bệnh viện Quân y 87, từ tháng 10-11/2020 và đề xuất giải pháp nhằm củng cố hệ thống và nâng cao năng lực cho đội ngũ này. **Kết quả:** Tỷ lệ điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật viên làm việc tại khối lâm sàng là 68,3%, khối cận lâm sàng là 23,1% và khối cơ quan là 8,6%. Điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật viên có trình độ trung cấp chiếm tỷ lệ cao (50,6%). 28,5% điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật viên trưởng có trình độ trung cấp. 17,8% điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật viên là y sĩ đa khoa. 16,1% điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật viên chưa có chứng chỉ hành nghề, trong đó có 29 người (15,6%) đang trực tiếp tham gia chăm sóc người bệnh. 32,8% điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật viên có chứng chỉ tin học văn phòng; 24,1% có chứng chỉ ngoại ngữ. Phân bố điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật viên/bác sĩ chung toàn Bệnh viện là 2,7/1; điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật viên/giường bệnh là 1/2.

Từ khóa: Nguồn nhân lực điều dưỡng, Bệnh viện Quân y 87.

ABSTRACT: Cross-sectional descriptive study on the real situation of human resources, nurses, midwives, technicians in the entire Military hospital 87, from October to November 2020 and proposing solutions to reinforce the system and enhance capacity for this team. **Results:** The rate of nurses, midwives and technicians working in the clinical block was 68.3%, the subclinical block was 23.1% and the administrative block was 8.6%. The nurses, midwives, and technicians with intermediate qualifications accounted for a high proportion (50.6%). 28.5% of chief nurses, midwives, and technicians had intermediate qualifications. 17.8% of nurses, midwives, and technicians were general assistant doctors. 16.1% of nurses, midwives, and technicians did not have practice certificates, of which 29 persons (15.6%) were directly involved in taking care of patients. 32.8% of nurses, midwives, technicians had office informatics certificates; 24.1% had foreign language certificates. The distribution of nurses, midwives, technicians/medical doctors in the whole hospital was 2.7/1; Nurses, midwives, technicians/hospital beds were 1/2.

Keywords: Nursing human resources, Military hospital 87.

Chịu trách nhiệm nội dung: CNĐD. Lê Bá Vĩnh, SĐT: 0965877714

Ngày nhận bài: 15/01/2021; mời phản biện khoa học: 02/2021; chấp nhận đăng: 15/3/2021.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ.

Ngày nay, công tác điều dưỡng đã khẳng định được vị trí, vai trò và tầm quan trọng trong lĩnh vực điều trị, chăm sóc sức khỏe của nền y tế ở nhiều quốc gia. Tổ chức Y tế thế giới cũng khẳng định rằng, điều dưỡng là xương sống của bất kì hệ thống dịch vụ y tế nào [7].

Tại Bệnh viện Quân y 87, các chuyên ngành điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật viên (ĐD-HS-KTV) những năm gần đây đã từng bước thay đổi, vươn lên, góp phần tích cực vào sự phát triển của Bệnh viện nói chung và vào công tác điều trị, chăm sóc, nâng cao sức khỏe người bệnh nói riêng. Tuy nhiên, bên cạnh đó, vẫn còn tồn tại nhiều vấn đề bất cập trong hoạt động điều dưỡng, như nguồn nhân lực này được đào tạo tại nhiều cơ sở đa dạng, cả trong và ngoài quân đội, nên trình độ

chuyên môn không đồng đều; việc sắp xếp nhân lực chưa hợp lý theo nghiệp vụ được đào tạo, tại một số bộ phận chưa phù hợp. Song, tình trạng này còn chưa được khảo sát thống kê, đánh giá cụ thể.

Góp phần đánh giá tình hình nhân lực của Bệnh viện Quân y 87 và đề xuất giải pháp củng cố hệ thống, nâng cao năng lực đội ngũ ĐD-HS-KTV trong toàn Bệnh viện, chúng tôi triển khai đề tài này nhằm khảo sát thực trạng nguồn nhân lực ĐD-HS-KTV tại Bệnh viện Quân y 87, năm 2020.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU.

2.1. Đối tượng nghiên cứu:

186 ĐD-HS-KTV đang công tác tại Bệnh viện Quân y 87, từ tháng 10-11/2020. Tất cả ĐD-HS-KTV (sau đây gọi tắt là đối tượng nghiên cứu - ĐTNC) đều đồng ý tham gia nghiên cứu.

2.2. Phương pháp nghiên cứu:

- Thiết kế nghiên cứu: mô tả cắt ngang.
- Phương pháp: chọn mẫu thuận tiện.
- Phương pháp thu thập số liệu: sử dụng phiếu khảo sát các ĐTNC theo mẫu định sẵn; so sánh số liệu quản lý của cơ quan quân lực và Ban ĐD Bệnh viện tại thời điểm nghiên cứu (tháng 10 và tháng 11/2020).

- Đạo đức: đề tài được thông qua hội đồng đạo đức Bệnh viện. Các ĐTNC đều được giải thích rõ mục đích, yêu cầu trước khi tham gia nghiên cứu.

- Xử lý số liệu: bằng phương pháp thống kê y học, sử dụng phần mềm SPSS 16.0.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU.

3.1. Phân bố nguồn nhân lực ĐD-HS-KTV tại Bệnh viện Quân y 87:

Bảng 1. Phân loại ĐTNC theo đặc điểm giới tính, nhóm tuổi, khối làm việc.

Đặc điểm		Khối lâm sàng		Khối cận lâm sàng		Khối cơ quan		Toàn Bệnh viện	
		Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
Giới tính	Nam	41	22,0	17,0	9,1	7	3,8	65	35,0
	Nữ	86	46,2	26	14	9	4,8	121	65,0
Nhóm tuổi	Dưới 25 tuổi	14	7,5	9	4,8	1	0,53	24	12,9
	Từ 25-45 tuổi	105	56,5	28	15,0	12	6,4	145	78,0
	Trên 45 tuổi	8	4,3	6	3,2	3	1,61	17	9,1
Tổng		127	68,3	43	23,1	16	8,6	186	100

Tỉ lệ ĐTNC là nam giới (35,0%) ít hơn so với nữ giới (65,0%); đa số từ 25-45 tuổi (78,0%).

Bảng 2. Trình độ chuyên môn của ĐTNC.

Trình độ học vấn	Khối lâm sàng		Khối cận lâm sàng		Khối cơ quan		Toàn viện	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
Đại học	3	1,6	05	2,7	03	1,6	11	5,9
Cao đẳng	52	28,0	21	11,3	06	3,2	79	42,5
Trung cấp	71	38,2	16	8,6	07	3,8	94	50,6
Sơ cấp	1	0,5	1	0,5	0	0	2	1,0
Tổng	127	68,3	43	23,1	16	8,6	186	100

Đa số ĐD-HS-KTV làm việc tại khối lâm sàng (68,3%), có trình độ học vấn trung cấp (50,6%).

Bảng 3. Phân bố trình độ đào tạo của ĐTNC theo chuyên môn nghiệp vụ.

Trình độ đào tạo	Điều dưỡng		Hộ sinh		Kỹ thuật viên		Y sĩ đa khoa	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
Đại học	6	6,2	1	11,1	3	6,4	0	0
Cao đẳng	57	58,7	5	55,6	17	36,2	0	0
Trung cấp	33	34,0	3	33,3	26	55,3	33	100
Sơ cấp	1	1,03	0	0	01	2,1	0	0
Tổng	97	52,1	9	4,8	47	25,3	33	17,8

Chuyên môn nghiệp vụ ĐD chiếm tỉ lệ cao nhất (52,1%), tiếp đến là KTV (25,3%) và y sĩ đa khoa (17,8%), tỉ lệ thấp nhất là hộ sinh (4,8%).

Trong 186 ĐD-HS-KTV nghiên cứu, 156 người (83,9%) đã có chứng chỉ hành nghề y-dược, 30 người (16,1%) chưa có chứng chỉ hành nghề y-dược (trong số chưa có chứng chỉ hành nghề y-dược, vẫn có 29 ĐD-HS-KTV trực tiếp tham gia nhiệm vụ chuyên môn). Cùng với nghiệp vụ chuyên môn, 61 người (32,8%) đã có chứng chỉ tin học văn phòng, 125 người (67,2%) chưa có chứng chỉ tin học văn phòng; 45 người (24,1%) đã có chứng chỉ ngoại ngữ, 141 người (75,9%) chưa có chứng chỉ ngoại ngữ.

Tỉ lệ phân bố ĐD-HS-KTV so với bác sĩ chung toàn Bệnh viện: đạt tỉ lệ 2,7/1.

Phân bố ĐD-HS-KTV/giường bệnh: đạt tỉ lệ 1/2.

2. Hệ thống tổ chức của Ban ĐD và ĐD trưởng khoa:

- Hệ thống tổ chức nhân lực Ban ĐD: biên chế 3 người, gồm trưởng ban và 01 trợ lý kĩ thuật ĐD, 01 trợ lý chế độ bệnh viện.

- ĐD trưởng khoa: 21 người.

Bảng 4. Trình độ chuyên môn của cán bộ, nhân viên Ban ĐD và ĐD trưởng khoa.

Trình độ chuyên môn	CB, NV Ban ĐD (n = 3)	ĐD trưởng khoa (n = 21)
Đại học	1 (33,3%)	1 (4,8%)
Cao đẳng	2 (66,7%)	14 (66,7%)
Trung học	0	6 (28,5%)
Tổng	3 (100%)	21 (100%)

Đa số CB, CS Ban ĐD và ĐD trưởng khoa có trình độ cao đẳng (đều chiếm 66,7%).

Bảng 5. Chứng chỉ quản lí ĐD của cán bộ, nhân viên Ban ĐD và ĐD trưởng khoa.

Chứng chỉ quản lí ĐD	Có	Không
CB, NV Ban ĐD (n = 3)	1 (33,3%)	2 (66,7%)
ĐD trưởng khoa (n = 21)	4 (19,0%)	17 (81,0%)

Tỉ lệ ĐTNC có chứng chỉ quản lí ĐD còn thấp, Ban ĐD là 33,3% và ĐD trưởng khoa là 19,0%.

Bảng 6. Chứng chỉ ngoại ngữ của CB, NV Ban ĐD và ĐD trưởng khoa.

Chứng chỉ ngoại ngữ	CB, NV Ban ĐD (n = 3)	ĐD trưởng khoa (n = 21)
Tiếng Anh A	0	5 (23,8%)
Tiếng Anh B	1 (33,3%)	2 (9,5%)
Tổng	1 (33,3%)	7 (33,3%)

Tỉ lệ cán bộ, nhân viên Ban ĐD, ĐD trưởng khoa có chứng chỉ ngoại ngữ đều 33,3%, nhưng đều là chứng chỉ tiếng Anh (A và B), không ĐTNC nào có trình độ ngoại ngữ C hay ngoại ngữ khác.

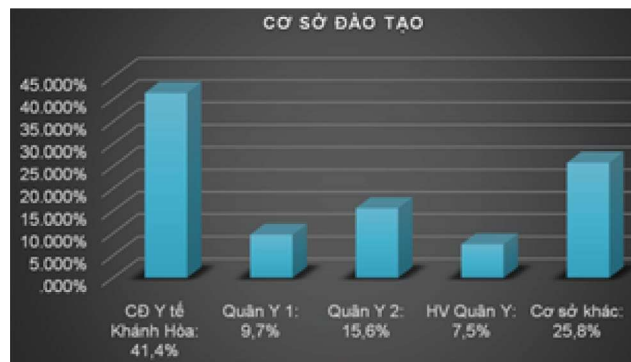
Bảng 7. Chứng chỉ tin học văn phòng của cán bộ, nhân viên Ban ĐD, ĐD trưởng khoa.

Tin học văn phòng	Có	Không
CB, NV Ban ĐD (n = 3)	2 (66,7%)	01 (33,3%)
ĐD trưởng khoa (n = 21)	09 (42,9%)	12 (57,1%)

Tỉ lệ cán bộ, nhân viên Ban ĐD, ĐD-HS-KTV trưởng khoa có chứng chỉ tin học văn phòng còn thấp, Ban ĐD là 66,7% và ĐD-HS-KTV trưởng khoa là 42,9%.

- Các cơ sở đã qua đào tạo của ĐD-HS-KTV:

Có tới 34 cơ sở trên cả nước đào tạo đội ngũ ĐD-HS-KTV của Bệnh viện.



Các cơ sở ĐTNC đã qua đào tạo.

4. BÀN LUẬN.

4.1. Nguồn nhân lực ĐD-HS-KTV tại Bệnh viện:

- Nguồn nhân lực ĐD-HS-KTV tại Bệnh viện Quân y 87 hiện có 186 người, tỉ lệ nữ giới (65,0%) nhiều hơn nam giới (35,0%); tương tự kết quả nghiên cứu của Trần Thanh Thủy tại Bệnh viện Đa khoa huyện Gia Viễn, Ninh Bình năm 2015 (68,5% là nữ) [6]. Độ tuổi chủ yếu của ĐTNC từ 25-45 tuổi (78,0%); rất phù hợp với cơ cấu lao động của Bệnh viện, vừa duy trì được nguồn nhân lực có độ tuổi vững vàng về chuyên môn, vừa có đội ngũ kế cận hợp lí. Lứa tuổi này là lực lượng lao động năng động, nhiệt huyết, sáng tạo, có sức khỏe và khả năng học hỏi cao, có khả năng đóng góp lâu dài cho sự phát triển của Bệnh viện. Tuy nhiên, với tỉ lệ nữ cao, đa số trong độ tuổi trẻ (tuổi sinh đẻ) lại là thách thức lớn trong việc bố trí nhân lực để khắc phục sự thiếu hụt cục bộ do sẽ phải nghỉ thai sản theo chế độ.

- ĐTNC có 68,3% đang công tác tại các khoa lâm sàng; phù hợp với quy định tại Thông tư liên tịch số 08/2007/TTLT-BYT-BNV (tỉ lệ ĐD-HS-KTV khối lâm sàng chiếm 60-65%) [1].

- 50,6% ĐD-HS-KTV có trình độ trung cấp; cao hơn so với nghiên cứu của Đinh Thị Hồng Vân tại Bệnh viện Quân y 175 năm 2020 (17,8%) [4]. Điều này đòi hỏi Bệnh viện phải có kế hoạch và lộ trình đào tạo phù hợp, đáp ứng quy định theo Thông tư liên tịch 26/2015/TTLT-BYT-BNV [4]. 42,5% ĐTNC có trình độ cao đẳng và 5,9% có trình độ đại học; thấp hơn báo cáo của Phùng Thị Phương khảo sát trong toàn quân năm 2020 (nhóm đại học chiếm 10,13%) [5].

- 16,1% ĐD-HS-KTV chưa có chứng chỉ hành nghề, trong đó có 29 người vẫn trực tiếp làm chuyên môn (chiếm 15,6%). Tỉ lệ ĐD-HS-KTV có chứng chỉ ngoại ngữ và chứng chỉ tin học văn phòng toàn Bệnh viện thấp (24,2% và 32,8%). Do đó, Bệnh viện cần có kế hoạch đào tạo phù hợp, nhằm đáp ứng tốt nhiệm vụ trong tình hình mới (Bệnh viện đã áp dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lí

bệnh viện, bước đầu quản lý hồ sơ bệnh án, khám bệnh, kê đơn...).

- Y sĩ đa khoa còn chiếm tỉ lệ cao (33 người, chiếm 17,8%). Đây là lực lượng đòi hỏi Bệnh viện phải sớm có kế hoạch đào tạo chuyển đổi để phù hợp với quy định nghiệp vụ của Bộ Y tế.

- Tỉ lệ ĐD-HS-KTV/bác sĩ là 2,7/1; cao hơn báo cáo của Đinh Thị Hồng Vân tại Bệnh viện Quân y 175 năm 2020 (tỉ lệ 1,72/1) [4]. Đây là một lợi thế lớn của Bệnh viện Quân y 87. Tỉ lệ chăm sóc ĐD-HS-KTV/1 giường bệnh là 1/2; cao hơn so với báo cáo năm 2017 của Cục Quản lý khám, chữa bệnh (tỉ lệ trung bình trên toàn quốc là 1/3) và báo cáo của Đinh Thị Hồng Vân tại Bệnh viện Quân y 175 năm 2020 (tỉ lệ 1/4) [3], [4]. Đây cũng là điều kiện thuận lợi để Bệnh viện Quân y 87 nâng cao chất lượng chăm sóc người bệnh.

4.2. Hệ thống tổ chức của Ban ĐD, ĐD trưởng khoa:

- Áp dụng mẫu biên chế cũ, Ban ĐD hiện biên chế 3 người, gồm 1 trưởng ban, 1 trợ lý kĩ thuật ĐD, 1 trợ lý chế độ bệnh viện; nhưng Bệnh viện chưa biên chế ĐD trưởng khối. Biểu biên chế này chưa phù hợp với điều kiện thực tế của bệnh viện hạng I hiện nay, cũng như biểu biên chế theo mẫu quy định chung của Bộ Y tế.

- Chỉ có 19,0% ĐD trưởng khoa được đào tạo về quản lý ĐD; thấp hơn so với báo cáo của Cục Quản lý khám, chữa bệnh năm 2017 ở các bệnh viện trực thuộc cấp Sở ở các tỉnh (78% ĐD trưởng có chứng chỉ quản lý ĐD) [3]; báo cáo của Phùng Thị Phương năm 2020 (38,45% ĐD trưởng các bệnh viện toàn quân có chứng chỉ quản lý ĐD) [5]; thấp hơn rất nhiều so với nghiên cứu của Đinh Thị Hồng Vân tại Bệnh viện Quân y 175 năm 2020 (96% ĐD trưởng khoa được đào tạo về quản lý ĐD) [4]. Đây là một hạn chế lớn đối với lực lượng làm công tác quản lý và lãnh đạo ĐD của Bệnh viện Quân y 87.

- Tỉ lệ có chứng chỉ tin học văn phòng còn rất thấp (ở Ban ĐD là 66,7%; ĐD trưởng khoa là 42,9%). Đây là mặt hạn chế lớn trong quá trình làm việc của cán bộ, nhân viên Ban ĐD và các ĐD trưởng. Đội ngũ ĐD trưởng khoa có trình độ cao đẳng, đại học chiếm 71,5%; thấp hơn rất nhiều so với nghiên cứu của Đinh Thị Hồng Vân tại Bệnh viện Quân y 175 năm 2020 (100% ĐD trưởng có trình độ đại học và cao đẳng, trong đó, trình độ đại học 71,7%, chuyên khoa I là 6,5%, thạc sĩ chiếm tới 10,9%) [4].

5. KẾT LUẬN.

Nghiên cứu 186 ĐD-HS-KTV công tác tại Bệnh viện Quân y 87, từ tháng 10-11/2020, kết luận:

- ĐD-HS-KTV làm việc tại khối lâm sàng là 68,3%, khối cận lâm sàng là 23,1% và khối cơ quan

là 8,6%. ĐD-HS-KTV có trình độ trung cấp chiếm tỉ lệ cao (50,6%). 28,5% ĐD trưởng có trình độ trung cấp trên tổng số ĐD trưởng khoa toàn Bệnh viện. 17,8% ĐTNC là y sĩ đa khoa. 16,1% ĐTNC chưa có chứng chỉ hành nghề, trong đó có 29 người (15,6%) đang trực tiếp hoạt động chuyên môn. 32,8% ĐTNC có chứng chỉ tin học văn phòng (riêng nhóm ĐD trưởng khoa mới đạt 42,9%). 24,1% ĐTNC có chứng chỉ ngoại ngữ. Tỉ lệ phân bố ĐD-HS-KTV/bác sĩ chung toàn Bệnh viện là 2,7/1; tỉ lệ ĐD-HS-KTV/giường bệnh là 1/2.

Từ kết quả trên, chúng tôi đề xuất một số giải pháp nhằm củng cố hệ thống và nâng cao năng lực đội ngũ ĐD-HS-KTV trong toàn Bệnh viện:

- Khuyến khích đào tạo nâng cao tỉ lệ có trình độ cao đẳng, đại học, sau đại học; tạo điều kiện cho lực lượng y sĩ đa khoa được học chuyển đổi sang nghiệp vụ ĐD.

- Quan tâm đào tạo nâng cao năng lực quản lý ĐD cho đội ngũ làm công tác quản lý ĐD và ĐD trưởng khoa; xem xét bổ nhiệm ĐD trưởng khối chuyên trách; cân đối sắp xếp lại tổng thể hệ thống lực lượng ĐD-HS-KTV trong toàn bệnh viện, khắc phục triệt để tình trạng thừa-thiếu cục bộ tại các khoa hiện nay.

- Bảo đảm 100% ĐD có chứng chỉ hành nghề; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện theo quy trình về công tác ĐD trong toàn Bệnh viện.

- Củng cố, hoàn thiện thống nhất tổ chức biên chế theo quy định, bảo đảm yêu cầu chăm sóc người bệnh theo đúng hướng dẫn tại Thông tư 07/2011/TT-BYT; bố trí ĐD-HS-KTV làm việc theo đúng chứng chỉ hành nghề, văn bằng và chức danh nghề nghiệp.

TÀI LIỆU KHAM KHẢO:

1. Bộ Y tế - Bộ Nội vụ (2007), *Hướng dẫn định mức biên chế trong các cơ sở y tế*, Thông tư liên tịch số 08/2007/TT-BYT-BNV.

2. Bộ Y tế - Bộ Nội vụ (2015), *Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp ĐD-HS-KTV*, Thông tư liên tịch số 26/2015/TT-BYT-BNV.

3. Cục Quản lý khám chữa bệnh, Bộ Y tế (2017), *Thực trạng công tác điều dưỡng 2017 và nhiệm vụ trọng tâm 2018-2019*.

4. Đinh Thị Hồng Vân (2020), *Tổng quan định hướng phát triển công tác điều dưỡng Bệnh viện Quân y 175, 2021-2025*.

5. Phùng Thị Phương (2020), *Công tác điều dưỡng quân đội và định hướng phát triển giai đoạn 2020-2025*, Cục quân y.

6. Trần Thanh Thủy (2015), *Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực y tế tại Bệnh viện Đa khoa huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình*.

7. WHO (2020), *The State of the World's Nursing*. □